

Bản án số: 50/2019/HSST
Ngày 28 tháng 8 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông LÊ CÔNG QUYỀN.
- Ông LÊ VĂN THUẬN.

Thư ký phiên tòa: Bà TRƯỞNG THỊ THẢO QUYÊN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông HỒ CHÍ DŨNG - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Quốc B (Lâm Quốc B)**, sinh năm 1977 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Quốc Ký (Lâm Quốc Ký), sinh năm 1947 và bà D Thị Thuận, sinh năm 1952 (chết tháng 7/2019); vợ: Đỗ Kim C, sinh năm 1979 và 02 người con: lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Năm 2011 bị Công an xã Đ, huyện H, tỉnh T xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (bầu cua), theo Quyết định số: 99/QĐXPVPHC ngày 14/4/2011, đã nộp phạt xong năm 2011.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2019 đến ngày 08/02/2019 trả tự do áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Phạm Văn C**, sinh ngày 18/4/1987 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 3/45, Tổ 32, ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn Mãi, sinh năm 1951 và bà Cao Thị Muôi, sinh năm 1956; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Năm 2010 bị Công an xã Đ, huyện H, tỉnh T xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi đánh nhau gây mất an ninh trật tự, theo Quyết định số: 105/QĐXPVPHC ngày 30/9/2010, đã nộp phạt xong ngày 11/10/2010.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2019 đến ngày 08/02/2019 trả tự do áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Phan Thị Bé H**, sinh ngày 01/01/1985 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã S, huyện Q, tỉnh Đ; nơi cư trú hiện nay: Ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Hoàng Mộng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nga (đã chết); chồng: Nguyễn Hồng Ân, sinh năm 1978 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2019 đến ngày 08/02/2019 trả tự do áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Minh T (Sang)**, sinh ngày 16/8/1989 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 18, Tổ 8, ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Nguyễn Văn Luông (đã chết) và bà Trần Ngọc Ánh, sinh năm 1959; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2019 đến ngày 08/02/2019 trả tự do áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Trần M**, sinh ngày 01/11/1973 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Trần Ngọc Thanh (đã chết) và bà Lê Thị Lành, sinh năm 1942; vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 và 03 người con: lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2019 đến ngày 08/02/2019 trả tự do áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Q**, sinh ngày 21/01/1969 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 4/65^C, Tổ 29, ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Nô (đã chết) và bà Đinh Thị Thia (đã chết); vợ: Cù Thị Liễu, sinh năm 1971 và 02 người con: lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2019 cho đến nay, **có đơn xin xét xử vắng mặt**.

7/ Họ và tên: **Ngô Quốc T (Ý)**, sinh ngày 04/8/1992 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 4/37^A, Tổ 26, ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Ngô Đình Mẫn, sinh năm 1941 và bà Đỗ Ngọc

Dung (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: không có; tiền sự: Quyết định số: 150/QĐ-XPVPHC ngày 29/8/2018 của Công an huyện H, tỉnh T xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (cá cược đá gà), đã nộp phạt xong ngày 06/11/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2019 cho đến nay, **có mặt tại phiên tòa.**

8/ Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 21/7/1973 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Nguyễn Văn Sanh (đã chết) và bà Lê Thị Quan, sinh năm 1956; vợ: Nguyễn Kiều Trang, sinh năm 1976 và 04 người con: lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2019 cho đến nay, **có mặt tại phiên tòa.**

9/ Họ và tên: **Lê Minh T**, sinh ngày 01/7/1987 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Lê Văn Chuyên, sinh năm 1951 và bà Lâm Kim Hồng, sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh năm 1987 và 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh ngày 24/7/2019; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2019 cho đến nay, **có mặt tại phiên tòa.**

10/ Họ và tên: **Lê Văn D**, sinh năm 1985 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Lê Văn Hải, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1956; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2019 cho đến nay, **có mặt tại phiên tòa.**

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà **Đỗ Kim C**, sinh năm 1979 (vợ của bị cáo Bình); địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T - (có mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1973 (vợ của bị cáo Thạnh); địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T - (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ ngày 31/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh T kiểm tra tại khu đất trống thuộc ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T bắt quả tang Lê Quốc B có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức làm cái lắc

bầu cua cho Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D tham gia đặt cược. Theo quy ước khi tham gia đánh bạc, người chơi đặt tiền vào những ô hình trên mảnh giấy, Bình dùng 03 hột giấy hình lập phương bỏ vào thùng nhựa úp trên mâm lắc. Khi mở thùng nếu trên các hột giấy có hình nào nằm lên mặt trên thì người đặt tiền ở ô có hình đó thắng, cứ mỗi hình trùng khớp sẽ thắng được bằng một lần số tiền đặt cược, mỗi người chơi đặt tiền ít nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng cho mỗi ô hình.

Thu giữ trên Cẩu bạc số tiền **8.170.000 đồng**; 01 mâm nhựa hình tròn, màu hồng viền đỏ, đường kính 29,5cm; 02 tờ giấy hình chữ nhật có in hình bầu, cua, tôm, gà, cá, nai; 15 hộp giấy hình lập phương 06 mặt có in hình bầu, cua, tôm, gà, cá, nai; 01 thùng nhựa hình trụ tròn, đường kính 22cm, cao 16cm; 01 đèn pin màu xám loại có dây đeo trên đầu; 01 tấm lưới hình chữ nhật dài 97cm, rộng 41cm.

Qua điều tra xác định được số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cụ thể như sau:

- Lê Quốc B đem theo số tiền 9.800.000 đồng cùng với bộ dụng cụ lắc bầu cua và đèn pin để làm cái, lúc bắt thu giữ trên người Bình 7.800.000 đồng.

- Phạm Văn C và Phan Thị Bé H (chung sống như vợ chồng) cùng đem theo 6.200.000 đồng tham gia đánh bạc, đặt nhiều ván mỗi ván từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng. Kết quả thắng được 100.000 đồng, khi đang tham gia thì bị bắt quả tang, thu giữ 6.300.000 đồng.

- Nguyễn Minh T đem theo số tiền 250.000 đồng tham gia đặt cược hơn 10 ván, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng, kết quả Tuần thắng 800.000 đồng, khi đang tham gia thì bị bắt quả tang, thu giữ 1.050.000 đồng.

- Trần M đem theo 200.000 đồng tham gia đặt cược hơn 10 ván, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, kết quả thua 200.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Nguyễn Q đem theo 250.000 đồng tham gia đặt cược hơn 10 ván, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng; kết quả thua 250.000 đồng, khi Công an đến bắt, Tuấn chạy thoát.

- Ngô Quốc T đem theo 60.000 đồng tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván 20.000 đồng, kết quả thua hết 60.000 đồng, khi Công an đến bắt T chạy thoát.

- Nguyễn Văn L đem theo 20.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 10.000 đồng, kết quả thua 20.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Lê Minh T đem theo 20.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 10.000 đồng, kết quả thua 20.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Lê Văn D đem theo 120.000 đồng tham gia đặt cược hơn 10 ván, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, kết quả thua 120.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Tổng số tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 23.320.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

*** Kê biên tài sản:**

- Kê biên của bị cáo Lê Quốc B phần đất diện tích 840m², thửa đất số 506, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Lê Quốc B và bà Đỗ Kim C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Kê biên của bị cáo Trần M phần đất diện tích 1.585,6m², thửa đất số 186, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Trần M và bà Nguyễn Thị D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 04/6/2018.

- Kê biên của bị cáo Phạm Văn C phần đất diện tích 289,5m², thửa đất số 827, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Phạm Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 13/10/2015.

- Kê biên của bị cáo Nguyễn Văn L phần đất diện tích 512,2m², thửa đất số 573, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Nguyễn Văn L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 20/10/2015.

- Kê biên của bị cáo Nguyễn Q phần đất diện tích 1.050m², thửa đất số 156, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Nguyễn Q đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 29/01/2016.

Các bị cáo khác không có tài sản nên không kê biên.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số: 45/CT-VKSND-HT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo Lê Quốc B, Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T (Sang), Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T (Ý), Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc B, Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lê Quốc B từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Quốc T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị Bé H từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Trần M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Q từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

** Lời nói sau cùng của các bị cáo:*

Các bị cáo đều ăn năn, hối cải, hứa không cò bạc nữa, sống tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đang nằm điều trị bệnh nặng (xơ gan, viêm gan siêu vi B, hạ đường huyết, suy kiệt) tại Bệnh viện Nhiệt Đới thành phố Hồ Chí Minh, xét thấy lý do vắng mặt chính đáng, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra đầy đủ, rõ ràng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét vắng mặt bị cáo Nguyễn Q theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được, cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có cơ sở xác định:

Khoảng 00 giờ ngày 31/01/2019, Lê Quốc B đánh bạc bằng hình thức làm cái lắc bầu cua cho Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T (Sang), Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T (Ý), Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D tham gia đặt cược thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 23.320.000 đồng, trong đó số tiền bắt quả tang thu giữ tại Ceu bạc là 8.170.000 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng. Các bị cáo biết rõ đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thắng thua bằng tiền đều bị Nhà nước nghiêm cấm, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, nhưng do háo lợi, bất chấp pháp luật các bị cáo mang theo số tiền 23.320.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) dùng vào việc đánh bạc, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là đúng pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] **Tình tiết giảm nhẹ:** Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Quốc B (Lâm Quốc Bình) có ông nội Lâm Quốc Đàm, bà nội Võ Thị Châu, cha Lâm Quốc Ký (Lê Quốc Ký), mẹ D Thị Thuận đều tham gia kháng Ceu chống Mỹ; cụ Đàm được tặng Huân chương kháng Ceu hạng Nhì, cụ Châu được tặng Huy chương kháng Ceu hạng Nhất, ông Ký được tặng Huân chương kháng Ceu hạng Ba. Bị cáo Ngô Quốc T có cha Ngô Đình Mẫn tham gia kháng Ceu chống Mỹ. Do đó các bị cáo Lê Quốc B, Ngô Quốc T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5.2] **Tình tiết tăng nặng:** Không có. Riêng bị cáo Ngô Quốc T có một tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xóa, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là có ý thức xem thường pháp luật; bị cáo Lê Quốc B có một tiền sự về hành vi đánh bạc đã được xóa; bị cáo Phan Văn C có một tiền sự về hành vi đánh nhau gây mất an ninh trật tự đã được xóa, nên cũng cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo T, Bình, C.

[5.3] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án:

Ngoài việc xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử còn xem xét số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc, để có mức hình phạt tương xứng.

- Bị cáo Lê Quốc B đem theo số tiền 9.800.000 đồng làm cái lắc bầu cua để các bị cáo khác tham gia đánh bạc, về nhân thân bị cáo có một tiền sự đã được xóa, nên bị cáo Bình phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

- Bị cáo Ngô Quốc T chỉ đem theo số tiền 60.000 đồng để tham gia đánh bạc nhưng bị cáo có một tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xóa, nên bị cáo T phải chịu hình phạt thấp hơn bị cáo Bình nhưng cao hơn các bị cáo khác.

- Các bị cáo Phạm Văn C và Phan Thị Bé H đem theo số tiền 6.200.000 đồng để tham gia đánh bạc, bị cáo C có một tiền sự đã được xóa, nên hai bị cáo chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo Bình và bị cáo T nhưng cao hơn các bị cáo khác, bị cáo C có nhân thân xấu hơn chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Hà.

- Các bị cáo Nguyễn Minh T đem theo số tiền 250.000 đồng, Nguyễn Q đem theo số tiền 250.000 đồng, Trần M đem theo số tiền 200.000 đồng dùng để đánh bạc, nên mức hình phạt của ba bị cáo ngang nhau.

- Các bị cáo Lê Văn D đem theo số tiền 120.000 đồng, Lê Minh T đem theo số tiền 20.000 đồng, Lê Văn D đem theo số tiền 20.000 đồng dùng để đánh bạc, nên mức hình phạt của ba bị cáo ngang nhau.

Bị cáo Bình và bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo Bình và bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành người tốt.

Các bị cáo Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Q, Trần M, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà giao cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5.4] Phạt bổ sung bị cáo Lê Quốc B 20.000.000 đồng; các bị cáo Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Q, Trần M, Ngô Quốc T, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

Do đó, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 8.170.000 đồng thu trên Cẩu bạc và số tiền thu trên người của các bị cáo: Lê Quốc B 7.800.000 đồng, Nguyễn Minh T 1.050.000 đồng, Phan Thị Bé H 6.300.000 đồng, **tổng cộng: 23.320.000 đồng** (hiện C cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T đang tạm giữ) là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Các dụng cụ để lắc bầu cua dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Lệnh kê biên tài sản số: 07/L, 02/L, 08/L, 09/L, 10/L, 11/L cùng ngày 22/5/2019 của Công an huyện H, tỉnh T đối với các bị cáo Lê Quốc B, Trần M, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Q vẫn còn hiệu lực cho đến khi các bị cáo thi hành xong các khoản phải thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc B (Lâm Quốc Bình), Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T (Sang), Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T (Ý), Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Quốc B (Lâm Quốc Bình) 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/8/2019).

- Xử phạt bị cáo Ngô Quốc T (Ý) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/8/2019).

Giao các bị cáo Lê Quốc B, Ngô Quốc T về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo C còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị Bé H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo Hà còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T (Sang) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo Tuấn còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày.

- Xử phạt bị cáo Trần M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 09 ngày tạm giữ, tạm giam thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo Thanh còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lê Minh T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành cải tạo không giam giữ của các bị cáo C, Hà, Minh Tuấn, Q, Thanh, L, T, D tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Trần M, Nguyễn Q, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh T để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

1.3 Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Lê Quốc B 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); các bị cáo Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1 Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền **23.320.000 đồng** (hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó có 8.170.000 đồng thu trên Cẩu bạc và số tiền dùng để đánh bạc thu trên người của các bị cáo: Lê Quốc B 7.800.000 đồng, Nguyễn Minh T 1.050.000 đồng, Phan Thị Bé H 6.300.000 đồng (hiện C cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T đang tạm giữ).

2.2 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) mâm nhựa hình tròn, màu hồng, viền đỏ, đường kính 29,5cm;
- 02 (hai) tờ giấy hình chữ nhật có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà;
- 15 (mười lăm) hộp giấy hình lập phương 06 (sáu) mặt có in hình bầu, cua, tôm, cá, nai, gà;
- 01 (một) thùng nhựa hình trụ tròn, đường kính 22cm, cao 16cm;
- 01 (một) đèn pin màu xám loại có dây treo trên đầu;
- 01 (một) tấm lưới hình chữ nhật Cều dài 97cm, Cều rộng 41cm.

2.3 Lệnh kê biên tài sản số: 07/L ngày 22/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 840m², thửa đất số 506, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T do UBND huyện H, tỉnh T cấp cho Lê Quốc B và bà Đỗ Kim C vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo Bình thi hành xong các khoản phải thi hành án.

2.4 Lệnh kê biên tài sản số: 08/L ngày 22/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 1.585,6m², thửa đất số 186, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh T do UBND huyện H, tỉnh T cấp cho Trần M và bà Nguyễn Thị D ngày 04/6/2018 vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo Thanh thi hành xong các khoản phải thi hành án.

2.5 Lệnh kê biên tài sản số: 09/L ngày 22/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 289,5m², thửa đất số 827, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh T cấp cho Phạm Văn C ngày 13/10/2015 vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo C thi hành xong các khoản phải thi hành án.

2.6 Lệnh kê biên tài sản số: 10/L ngày 22/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 512,2m², thửa đất số 573, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho Nguyễn Văn L ngày 20/10/2015 vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo L thi hành xong các khoản phải thi hành án.

2.7 Lệnh kê biên tài sản số: 11/L ngày 22/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với phần đất diện tích 1.050m², thửa đất số 156, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Trường Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho Nguyễn Q ngày 29/01/2016 vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo Tuấn thi hành xong các khoản phải thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo **Lê Quốc B, Phạm Văn C, Phan Thị Bé H, Nguyễn Minh T, Trần M, Nguyễn Q, Ngô Quốc T, Nguyễn Văn L, Lê Minh T, Lê Văn D** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Riêng bị cáo Nguyễn Q vắng mặt** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- CC.THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- **UBND xã Đ;**
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án-(D).

